TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘ ĐỨC** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**
Số: 57/2017/QĐST-HNGĐ	*Mộ Đức, ngày 26 tháng 7 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 82/2017/TLST – HNGĐ, ngày 12 tháng 6 năm 2017; giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Tuyết T, sinh năm: 1995

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn T, sinh năm: 1992

Cùng địa chỉ: Khu dân cư số 28, thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Tuyết T và anh Nguyễn Tấn T.

2. Công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Tuyết T và anh Nguyễn Tấn T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Trần Thị Tuyết T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 10/12/2014. Anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

*2.4. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân:*150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)* chị T tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004115, ngày 06/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M nên được khấu trừ xong. Chị T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Bích Vân